TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 8 - 2022
V/v ly hôn giữa chị M và anh A

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị A.

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Bà Đặng Thị Thu Hương

Bà Phạm Hồng Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1986 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Xóm 2, thôn R, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Phạm Văn A, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 2, thôn R, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 6 năm 2022, bản tự khai ngày 30 tháng 6 năm 2022 nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày: Chị và anh Phạm Văn A tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 11 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh A chơi lô đề, cờ bạc không tu trí làm ăn mặc dù chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh A không sửa chữa còn đA chửi chị, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Đầu tháng 5/2022 chị đưa các con về nhà bố mẹ đẻ cư trú tại xã Nam Dương ở, từ đó chị và anh A sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể

tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Trực giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn A.

Về nuôi con chung: Giữa chị và anh A có 02 con chung là Phạm Thùy L, sinh ngày 21/7/2010 và Phạm Hoàng H, sinh ngày 15/9/213 các con đang ở với chị. Khi vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi 02 con không yêu cầu anh A cấp dưỡng, vì hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty may Việt Pan có trụ sở tại xã Đồng Sơn, huyện N thu nhập hằng tháng từ 15-16 triệu đồng đủ điều kiện nuôi con. (Các cháu L và H đều có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với mẹ)

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn: Anh Phạm Văn A đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với bà Trần Thị Tuyết (mẹ kế của anh A) thể hiện: Về thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị M trình bày, cuộc sống chung của vợ chồng chị M không hạnh phúc, chị M đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở sau đó vợ chồng lại đoàn tụ nhưng vẫn không hòa thuận. Về con chung: Vợ chồng anh A và chị M có 02 con chung hiện đang ở với chị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Phạm Văn A.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Thùy L, sinh ngày 21/7/2010 và Phạm Hoàng H, sinh ngày 15/9/213 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí DSST: Chị Phạm Thị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Anh Phạm Văn A đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ. Tại phiên tòa lần thứ 2 anh A vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Phạm Văn A tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 18/11/2008, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, do tính cách không hợp, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Từ tháng 5 năm 2022 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn. Anh Phạm Văn A biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị M với anh, nhưng anh không đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị M.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị M và anh A không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Văn A của chị Phạm Thị M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị M và anh A có 02 con chung là Phạm Thùy L, sinh ngày 21/7/2010 và Phạm Hoàng H, sinh ngày 15/9/213 hiện đang ở cùng chị M.

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đề nghị của đương sự, ý kiến của con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án anh A vắng mặt không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Chị M có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty may Việt Pan có thu nhập ổn định, nên chị không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng của chị M là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao con chung là Phạm Thùy L và Phạm Hoàng H cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở

[4] Về tài sản: Chị M không yêu cầu giải quyết, anh A không có ý kiến gì nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Phạm Văn A.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao con chung là Phạm Thùy L, sinh ngày 21/7/2010 và Phạm Hoàng H, sinh ngày 15/9/213 cho chị Phạm Thị M tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng; Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp theo biên lai số 0004672, ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị A

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã B;
- Lưu HS.
